

THỰC TRẠNG SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU GẠO VIỆT NAM – CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG NHỮNG NĂM TỚI

Nông Hữu Tùng

Khoa Kinh tế - Tài chính, trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang

Email: tungnh@bafu.edu.vn

Trần Thị Lý

Khoa Kinh tế - Tài chính, trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang

Email: lytt@bafu.edu.vn

Đặng Thị Hiền

Trường THPT Chuyên Bắc Giang

Email: dthien.cbg@bacgiang.edu.vn

Ngày nhận: 24/02/2019

Ngày nhận bản sửa: 20/3/2019

Ngày duyệt đăng: 05/01/2020

Tóm tắt:

Bài báo nghiên cứu thực trạng sản xuất và xuất khẩu gạo Việt Nam nhằm tìm ra các giải pháp giúp ngành hàng này phát triển bền vững trong những năm tới. Từ nguồn số liệu lúa gạo giai đoạn 2006-2018, thông qua các phương pháp nghiên cứu thống kê mô tả, so sánh, phỏng vấn và SWOT đã cho thấy, diện tích trồng lúa duy trì khá ổn định, sản lượng tăng bình quân 2,1%/năm. Với xuất khẩu gạo, kim ngạch bình quân hàng năm đạt 2,72 tỷ USD. Gạo là nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, đứng thứ ba thế giới và đã xuất khẩu đến hơn 150 quốc gia và vùng lãnh thổ. Tuy nhiên, sản xuất và xuất khẩu lúa gạo Việt Nam cần nhanh chóng nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh; xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường; đổi mới cơ chế, chính sách và xây dựng môi trường kinh doanh... để phát triển ổn định và bền vững, không ngừng nâng cao vị thế trên thị trường thế giới.

Từ khóa: Chất lượng, gạo, sản xuất, xuất khẩu, thị trường.

Mã JEL: Q17

Current status of Vietnam's rice production and export – Solutions for sustainable development

Abstract

This research investigates the situation of rice production and export of Vietnam in order to find out solutions to help this industry develop sustainably in the coming years. Based on rice data in the period 2006-2018, descriptive statistics, comparative method, interview and SWOT analysis were used to archive the research objectives. We found that the cultivated area remained relatively stable, rice production grown by an average of 2.1% per year. The annual export turnover reached 2.72 billion USD per year. Rice is one of the key export products of Vietnam, ranked third in the world. Vietnamese rice has been exported to more than 150 countries in the world. However, Vietnam's rice production and export needs to timely improve productivity, quality and export value; enhance its competitiveness; develop branding and markets for rice products; renovate mechanisms and policies; and build a business environment to help Vietnam's rice production and export grows sustainably and empowers its position in the world market.

Keywords: *Quality, rice, production, export, market.*

JEL Code: *Q17*

1. Giới thiệu

Sản xuất lúa gạo là ngành hàng truyền thống, đã được hình thành và phát triển lâu đời ở nước ta, có ảnh hưởng lớn đến đời sống của người dân, nhất là cư dân nông thôn. Sản xuất lúa gạo đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn Việt Nam, nên các chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn luôn gắn liền với phát triển ngành hàng lúa gạo. Chính nhờ đó, ngành nông nghiệp Việt Nam nói chung và ngành hàng lúa gạo nói riêng sau đổi mới đã đạt được những thành tựu rất to lớn trong sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng nông sản. Với lúa gạo không những đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia mà còn là một trong số ít các quốc gia nhiều năm liên tục luôn dẫn đầu thế giới về xuất khẩu gạo. Những thành tựu của ngành hàng lúa gạo Việt Nam đã góp phần quan trọng vào việc giải quyết công ăn việc làm cho một bộ phận lớn lao động, không chỉ ở khu vực nông thôn mà còn ở cả các đơn vị thu mua, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu lúa gạo, đóng góp tích cực vào công tác xóa đói giảm nghèo và tăng thu ngoại tệ đáng kể cho quốc gia.

Theo kết quả tổng hợp từ số liệu thống kê thường niên của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Thống kê Việt Nam trong nhiều năm trở lại đây cho thấy, sản xuất lúa gạo ở nước ta tập trung chủ yếu ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, trong đó đồng bằng sông Cửu Long luôn chiếm trên 50% về diện tích gieo trồng và sản lượng lúa gạo cả nước, cung cấp khoảng 90% tổng khối lượng gạo xuất khẩu (Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2017; Đinh Văn Thành, 2010). Tuy nhiên, sản xuất và xuất khẩu lúa gạo của Việt Nam những năm qua còn tồn tại nhiều yếu kém, phát triển còn nhiều bất ổn và chịu tác động lớn từ những biến động của thị trường gạo thế giới... Chính vì vậy, phân tích và đánh giá đúng thực trạng sản xuất và xuất khẩu gạo của Việt Nam, tìm ra điểm mạnh và điểm yếu, cơ hội và thách thức, từ đó kiến nghị các chính sách và giải pháp nhằm thúc đẩy ngành sản xuất và xuất khẩu lúa gạo của Việt Nam phát triển ổn định và bền vững trong điều kiện cạnh tranh và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng là việc làm rất cần thiết.

2. Cơ sở lý thuyết

Sản xuất là quá trình làm ra sản phẩm để sử dụng,

hay để trao đổi trong thương mại. Ở nước ta, nông nghiệp là một ngành quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và dài hạn. Sản xuất nông nghiệp phát triển là kết quả tổng hợp của việc sử dụng nguồn năng lực sản xuất trong quan hệ kết hợp hợp lý với điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội và sử dụng những thành tựu mới nhất về khoa học - kỹ thuật. Trong trồng trọt, quá trình sản xuất của ngành này nhằm tăng thêm khối lượng và chất lượng sản phẩm, có thể được thực hiện thông qua việc mở rộng diện tích trồng trọt và nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm.

Với xuất khẩu có thể hiểu là hoạt động kinh doanh ngoại thương mà hàng hóa dịch vụ của quốc gia này được bán cho quốc gia khác. Theo Luật Thương mại (2017), xuất khẩu hàng hóa là việc hàng hóa được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật. Sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng nông sản nói chung, lúa gạo nói riêng có các đặc điểm cần chú ý: (1) Có tính chất thời vụ cao; (2) phải đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm; (3) giá cả không ổn định; (4) cần được sự quan tâm của Nhà nước (Nguyễn Thị Đường, 2012).

Sản xuất gắn với xuất khẩu nông sản có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế Việt Nam, cụ thể: Một là, việc xuất khẩu nông sản tạo nguồn vốn tích lũy quan trọng để nhập khẩu và tích lũy phát triển sản xuất nông nghiệp; hai là, xuất khẩu nông sản góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng sử dụng có hiệu quả nhất nguồn lực và lợi thế của quốc gia; ba là, xuất khẩu nông sản có tác động tích cực và có hiệu quả đến việc giải quyết công ăn việc làm và cải thiện đời sống nhân dân, nhất là cư dân nông thôn; bốn là, xuất khẩu nông sản góp phần giữ ổn định nền kinh tế của đất nước; năm là, xuất khẩu nông sản góp phần mở rộng và thúc đẩy các quan hệ kinh tế đối ngoại, tăng cường địa vị kinh tế của quốc gia trên thị trường thế giới; sáu là, xuất khẩu nông sản góp phần thúc đẩy quá trình phân công và chuyên môn hóa quốc tế, là thước đo đánh giá kết quả của quá trình hội nhập quốc tế của một quốc gia vào nền kinh tế khu vực và thế giới; bảy là, xuất khẩu nông sản góp phần thúc đẩy cải tiến cơ chế quản lý, chính sách kinh tế của nhà nước cho phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế (Đinh Văn Đăn và Nguyễn Việt Đăng, 2009; Nguyễn Thị Đường, 2012).

3. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm tác giả đã sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp và kỹ thuật trong xây dựng các chỉ tiêu nghiên cứu, trong tìm hiểu và so sánh giữa các quốc gia điển hình về sản xuất và xuất khẩu lúa gạo trên thế giới; thảo luận và lấy ý kiến từ các nhà sản xuất, kinh doanh và khoa học... Các phương pháp chủ yếu gồm: phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh và phương pháp phỏng vấn, trong đó đối tượng phỏng vấn chính là các chuyên gia và nhà khoa học, ngoài ra tác giả còn phỏng vấn thêm lãnh đạo các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gạo, cán bộ quản lý và người trồng lúa. Các phương pháp trên được sử dụng kết hợp với phương pháp SWOT trong phân tích, đánh giá tiềm năng của ngành hàng lúa gạo Việt Nam, nghiên cứu chính sách và giải pháp cần áp dụng.

Tài liệu và số liệu sử dụng trong bài này được thu thập từ nguồn số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Thống kê Việt Nam, Tổng cục Hải Quan Việt Nam trong giai đoạn 2006-2018. Ngoài ra, tác giả còn khai thác từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) và Tổ chức Lương thực - Nông nghiệp của Liên hiệp quốc (FAO), Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA).

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng sản xuất lúa gạo của Việt Nam

Trong lĩnh vực sản xuất, diện tích gieo trồng lúa của Việt Nam trước những năm 2008 tuy có bị suy giảm chút ít, nhưng do lúa gạo là cây lương thực chủ đạo có ý nghĩa an sinh xã hội, nên mặc dù giá trị kinh tế của nó thấp hơn một số cây trồng vật nuôi khác nhưng luôn được Chính phủ và các Bộ ngành quan tâm, đặc biệt là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Vì thế, diện tích gieo trồng lúa trong giai đoạn 2006-2018 vẫn luôn được duy trì ở mức 7,2-7,9 triệu ha. Những năm qua, nhờ tích cực chủ động ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu của cả cộng đồng, từ chính quyền các ngành, các cấp đến người dân nên thiệt hại gây ra cho sản xuất nông nghiệp đã được hạn chế ở mức thấp. Đồng thời cũng nhờ có các chương trình đầu tư khoa học công nghệ, xây dựng cánh đồng mẫu lớn, chuyển giao các giống mới và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất lúa, cũng như áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quy trình canh tác phù hợp cho từng vùng sản xuất nên năng suất và sản lượng lúa gạo luôn tăng trưởng ổn định. Chúng ta đã và đang chuyển dần từ việc mở rộng diện tích canh tác sang sản xuất lúa theo hướng nâng cao chất lượng, từ đó tăng xuất khẩu những loại gạo có chất lượng và giá trị cao. Xu hướng này đang được hưởng ứng và ngày càng tăng lên nhanh chóng trong sản xuất và xuất khẩu lúa gạo.

Trong giai đoạn 2006-2018, sản lượng và năng suất lúa của Việt Nam tăng bình quân hàng năm lần

Bảng 1: Tình hình sản xuất lúa gạo của Việt Nam giai đoạn 2006-2018

Chỉ tiêu	ĐVT	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	Bình quân
1. Diện tích gieo trồng	triệu ha	7,32	7,21	7,40	7,44	7,49	7,6	7,76	7,90	7,82	7,83	7,74	7,71	7,76	7,62
- Tốc độ tăng diện tích gieo trồng	%	-	-1,6	2,7	0,5	0,7	2,2	1,4	1,8	-1,1	0,2	-1,2	-0,4	0,7	0,5
2. Sản lượng thu hoạch	triệu tấn	35,85	35,94	38,73	38,95	40,01	42,40	43,74	44,04	44,97	45,09	43,17	42,74	45,88	41,65
- Tốc độ tăng sản lượng thu hoạch	%	-	0,3	7,8	0,6	2,7	6,0	3,2	0,7	2,1	0,3	-4,3	-1,0	7,3	2,1
3. Năng suất lúa cả năm	tấn/ha	4,89	4,99	5,23	5,24	5,34	5,54	5,64	5,57	5,75	5,76	5,58	5,55	5,91	5,47
- Tốc độ tăng năng suất lúa cả năm	%	-	1,9	4,9	0,1	2,0	3,7	1,8	-1,1	3,3	0,1	-3,1	-0,6	6,6	1,6

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam, USDA.

lượt là 2,1% và 1,6%, chiếm khoảng 5,5-6,3% sản lượng lúa toàn thế giới, đứng thứ năm thế giới sau các nước Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Bangladesh. Cụ thể từ bảng 1 cho thấy, sản lượng và năng suất lúa liên tục tăng từ 35,85 triệu tấn với năng suất 4,89 tấn/ha năm 2006 lên 45,88 triệu tấn với năng suất 5,91 tấn/ha năm 2018, cao hơn năng suất lúa thế giới 1,40 tấn/ha, nhưng mới chỉ đứng hàng thứ 15 thế giới (theo số liệu USDA 2018). Điều này cho thấy, Việt Nam vẫn còn khả năng nâng cao năng suất lúa hơn nữa trong khi diện tích đang có nguy cơ bị thu hẹp dần, do đó các giải pháp trong thời gian tới cần quan tâm đến vấn đề này.

Theo các chuyên gia về lương thực của Việt Nam, sản xuất lúa gạo ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là đồng bằng sông Cửu Long được thị trường hóa cao độ, diễn biến giá lúa gạo ở đây luôn gắn chặt với giá gạo xuất khẩu và giá thị trường thế giới. Ngoài hai đồng bằng này, sản xuất lúa gạo ở các khu vực khác như miền Bắc, miền Trung, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ... chủ yếu nhằm mục tiêu bảo đảm an ninh lương thực tại chỗ. Tuy nhiên, trong sản xuất nông nghiệp vẫn còn hiện tượng chú trọng về số lượng hơn chất lượng, nhiều loại giống được gieo trồng trong cùng một vùng nên chất lượng gạo không thuần chủng và không đồng đều. Vấn đề bảo quản sau thu hoạch còn nhiều bất cập, gây hao hụt lớn và ảnh hưởng đến chất lượng hạt gạo. Vì vậy, phẩm cấp hạt gạo sau khi chế biến không cao, khó tiếp cận được với các thị trường khó tính, nên mặc dù giá gạo xuất khẩu của Việt Nam đã được cải thiện nhưng nhiều năm vẫn thấp hơn gạo cùng loại của Thái Lan. Không những vậy, giá cả thị trường lúa gạo trong nước bấp bênh cũng đã và đang ảnh hưởng tới việc ổn định sản lượng, chất lượng xuất khẩu. Đây là những vấn đề cần tích cực khắc phục có hiệu quả, nhằm giúp người nông dân yên tâm sản xuất, nâng cao chất lượng và giá trị lúa gạo, thúc đẩy xuất khẩu, góp phần nâng cao vị thế của lúa gạo Việt Nam trên thị trường thế giới.

4.2. Thực trạng xuất khẩu gạo của Việt Nam

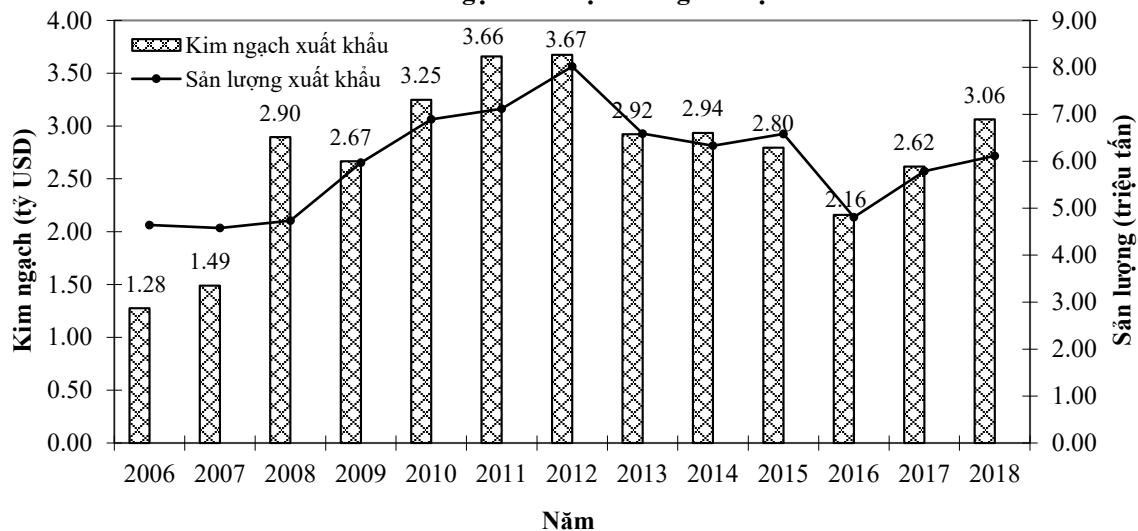
Những năm qua, sản xuất lúa gạo của Việt Nam đang dần dần chuyển dịch theo hướng đầu tư thâm canh, tăng chất lượng nên gạo xuất khẩu cũng tăng nhanh cả về số lượng, chất lượng và giá cả. Hình 1 cho thấy, sau 13 năm (2006-2018), xuất khẩu gạo Việt Nam tăng 31,7% về sản lượng và 140,1% về kim ngạch với mức giá bình quân 501 USD/tấn,

cụ thể: Năm 2007, Việt Nam là một trong số ít các quốc gia có kim ngạch xuất khẩu gạo tăng, do nhu cầu gạo thế giới tăng vượt nguồn cung, trong khi hầu hết các nước sản xuất gạo ở Châu Á đều giảm sản lượng gạo, đặc biệt là Ấn Độ (IPSARD, 2008). Từ năm 2008, gạo đã trở thành một thứ hàng hóa nhạy cảm hơn và giá cả thị trường cũng biến động thường xuyên do tác động của biến đổi khí hậu trên diện rộng, sự thay đổi của tỷ giá đồng USD và giá dầu thế giới. Bên cạnh đó, yếu tố đầu cơ của các tập đoàn tài chính cũng tác động lên mặt hàng này. Đỉnh điểm là cơn đột biến giá gạo vào cuối tháng 4 - đầu tháng 5 năm 2008 ở mức trên 1.000 USD/tấn, cao gấp 3 lần so với đầu năm; giá gạo trắng 100% của Thái Lan đã lên mức cao nhất 1.080 USD/tấn, gạo 5% tấm Việt Nam cũng tăng tương đương thời điểm đó, gây ra khủng hoảng lương thực và bất ổn ở một số nước thiếu gạo. Sự mất cân đối cục bộ và tác động tâm lý đã tạo ra những biến động trên thị trường khu vực, mặc dù cân đối cung cầu vẫn ở mức an toàn (Công Phiên, 2011; Nguyễn Đức Độ, 2008). Chính điều này đã giúp giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam năm 2008 tăng tới 612 USD/tấn, cao gấp 2 lần giá năm 2007, nhờ đó kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng tới 94,3% so với năm 2007. Sang năm 2009, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam chịu tác động xấu từ cuộc khủng hoảng nợ công ở châu Âu, khiến giá xuất khẩu biến động theo chiều hướng giảm, nên mặc dù sản lượng gạo xuất khẩu vẫn tiếp tục tăng, nhưng kim ngạch lại kém hơn năm 2008 là 0,23 tỷ USD.

Trong 3 năm tiếp theo (2010-2012), thị trường gạo xuất khẩu Việt Nam được cải thiện so với những năm trước bởi nhu cầu nhập khẩu lớn của Indonesia, Malaysia, Bangladesh và sự tăng trưởng vượt bậc của thị trường Trung Quốc, nhất là từ năm 2012 trở lại đây, đã giúp xuất khẩu gạo của Việt Nam năm 2011, 2012 liên tục phá mốc kỷ lục xuất khẩu của năm 2010, đạt ngưỡng 3,7 tỷ USD. Đây tiếp tục là những năm thành công đối với xuất khẩu gạo Việt Nam khi cả sản lượng lẫn kim ngạch đều đạt những mốc kỷ lục mới, quan trọng hơn cả là người trồng lúa đã thực sự có lãi, thậm chí là vượt xa cả mục tiêu của Chính phủ đề ra.

Tuy nhiên, sau khi đạt đỉnh điểm vào năm 2012, xuất khẩu gạo của Việt Nam bắt đầu tuột dốc, sản lượng và kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam năm 2013 giảm tới 17,8% về sản lượng và 20,4% về kim ngạch so với năm 2012. Nguyên nhân của

Hình 1: Xuất khẩu gạo của Việt Nam giai đoạn 2006-2018



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam.

tình trạng suy giảm trên là do áp lực cạnh tranh cao và sụt giảm nhu cầu trong năm 2013 của các thị trường truyền thống như Malaysia, Philippines và Indonesia. Sang năm 2014, xuất khẩu gạo sang ba thị trường này mặc dù đã được cải thiện đôi chút, nhưng do nguồn cung thế giới dồi dào và giá cả sụt giảm, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt đến từ các nguồn cung giá thấp, nhất là Ấn Độ, Pakistan và Myanmar, nên xuất khẩu gạo Việt Nam vẫn tiếp tục phải gánh chịu những áp lực cạnh tranh rất lớn từ những nước này, tăng trưởng chỉ đạt 0,4% so với năm 2013.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam và FAO cho thấy, giá xuất khẩu gạo bình quân của Việt Nam năm 2015 giảm xuống mức thấp nhất kể từ năm 2008 trở lại đây với 425 USD/tấn, chỉ bằng 91,5% giá bình quân của Thái Lan. Năm 2016, sản lượng lẫn kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam cũng xuống mức thấp nhất, chỉ chiếm 11,9% về sản lượng và 10,5% về kim ngạch xuất khẩu gạo toàn thế giới. Nguyên nhân là do năm 2016 Thái Lan đã xả 11 triệu tấn gạo tồn kho giá rẻ, khiến gạo Việt Nam khó cạnh tranh được, nhất là khi phát triển lúa gạo của Việt Nam trong giai đoạn này chỉ hướng đến số lượng mà chưa thực sự quan tâm nhiều đến chất lượng. Hơn nữa, Việt Nam lại không có thương hiệu gạo nổi bật nào trên thị trường, trong khi Thái Lan có đến 5-6 loại thương hiệu xuất khẩu. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng còn thiếu các chiến dịch thương mại để đưa gạo Việt vào chuỗi cung ứng toàn cầu và định vị được thị phần của gạo Việt trên thị trường thế giới. Điều này khiến gạo Việt Nam dễ bị thay thế

bởi gạo xả tồn kho, giá rẻ của Thái Lan và các nước khác (VNSAT, 2018).

Tuy nhiên, sang năm 2017 và 2018, nhờ có những thay đổi của Chính phủ về định hướng sản xuất và xuất khẩu như quyết định số 492/QĐ-TTg ngày 03/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ, khiến xuất khẩu gạo của Việt Nam đã được khởi sắc trở lại, thị trường xuất khẩu cũng đa dạng hơn, kim ngạch xuất khẩu năm 2018 đã đạt mức 3,01 tỷ USD; việc sản xuất đã hướng vào nâng cao chất lượng thay vì chỉ tập trung vào số lượng như trước đây. Song dự báo những năm tới, xuất khẩu gạo của Việt Nam vẫn phải chấp nhận cạnh tranh quyết liệt, nhất là với Thái Lan về gạo thơm và gạo trắng, với sự giảm giá mạnh ở phân khúc gạo cấp trung bình và cấp thấp của Ấn Độ và Pakistan, do đó đòi hỏi chúng ta cần có các chính sách và giải pháp nhằm duy trì và nâng cao vị thế của hạt gạo Việt Nam trên thị trường thế giới.

Tính chung giai đoạn 2006-2018, xuất khẩu gạo của Việt Nam bình quân đạt 6,01 triệu tấn/năm với kim ngạch 2,72 tỷ USD/năm, chiếm 4,98% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa hàng năm của Việt Nam ra thế giới, tăng bình quân 2,3%/năm về sản lượng và 7,6%/năm về kim ngạch. Việt Nam nhiều năm liên tục là quốc gia xuất khẩu gạo lớn thứ hai, thứ ba thế giới, sau Ấn Độ và Thái Lan. Gạo Việt Nam đã xuất khẩu sang hơn 150 quốc gia và vùng lãnh thổ. Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam chủ yếu là các nước châu Á và châu Phi. Bên cạnh đó, xuất khẩu gạo của Việt Nam đã từng bước mở rộng thị trường xuất khẩu vào các nước châu Mỹ và châu

Đại Dương (Bộ Công thương, 2018). Trong cơ cấu xuất khẩu gạo của Việt Nam, ngoài xuất khẩu gạo chất lượng trung bình mang tính truyền thống, Việt Nam tiếp tục tập trung nhiều hơn cho gạo chất lượng cao và mở rộng thị trường xuất khẩu gạo chất lượng cao. Bên cạnh đó, gạo thơm và gạo trắng cũng đã và đang trở thành một nhân tố quan trọng và có xu hướng ngày càng được đẩy mạnh để cạnh tranh với các nước xuất khẩu lớn như Ấn Độ, Thái Lan...

4.3. Phân tích SWOT đối với sản xuất và xuất khẩu lúa gạo Việt Nam

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng ở trên, cùng với tổng kết ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học, lãnh đạo doanh nghiệp và người trồng lúa, những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong sản xuất và xuất khẩu lúa gạo của Việt Nam giai đoạn 2006-2018 có thể được phân tích và khái quát thành một số điểm chính sau đây:

4.3.1. Điểm mạnh

Thứ nhất, sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất lúa gạo nói riêng của Việt Nam đã phát triển một cách vượt bậc. Những năm qua, sản xuất và xuất khẩu lúa gạo không chỉ làm nâng cao giá trị hạt gạo Việt Nam, góp phần cải thiện thu nhập và nâng cao đời sống của nông dân, mà còn thúc đẩy ngành nông nghiệp Việt Nam ngày càng phát triển, góp phần đảm bảo an ninh lương thực không chỉ trên phạm vi quốc gia mà còn trên phạm vi toàn thế giới và đem về cho đất nước hàng tỷ USD.

Thứ hai, môi trường thể chế và chính sách của Việt Nam đối với ngành hàng lúa gạo ngày càng được hoàn thiện nhằm đảm bảo lợi ích của người sản xuất kinh doanh lúa gạo, ổn định sản xuất nông nghiệp và thị trường trong nước, giảm bớt khó khăn đối với hoạt động lưu thông và xuất khẩu lúa gạo.

Thứ ba, một số vùng nước ta có điều kiện đất đai, khí hậu, nước tưới, cầu cảng... thuận lợi và thích hợp cho sản xuất và xuất khẩu lúa gạo, đồng thời Việt Nam cũng luôn chủ động trong phòng chống giảm nhẹ thiên tai và dịch bệnh, phát triển sản xuất theo hướng thâm canh và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nên năng suất, chất lượng và sản lượng lúa gạo không ngừng nâng cao.

Thứ tư, xuất khẩu gạo của Việt Nam thể hiện sự phát triển trên nhiều mặt, đáng kể nhất là sản lượng gia tăng, chất lượng gạo ngày càng ổn định, là một trong số ít các quốc gia luôn dẫn đầu thế giới về xuất khẩu gạo. Một trong những nguyên nhân chính là do

công tác điều hành xuất khẩu gạo hợp lý theo những biến động của tình hình thị trường. Thêm vào đó, việc thu mua tạm trữ lúa gạo kịp thời để bình ổn giá và công tác thông tin luôn được tăng cường, đã tạo được sự đồng thuận chung giữa các ngành, các cấp cũng như các doanh nghiệp xuất khẩu gạo. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng đã phát huy được tính chủ động, linh hoạt và tuân thủ quy định hiện hành của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo.

4.3.2. Điểm yếu

Thứ nhất, chưa làm tốt công tác quy hoạch các vùng chuyên canh theo nhu cầu của thị trường, chưa tạo ra được vùng nguyên liệu đủ lớn để có thể chủ động về sản lượng xuất khẩu, các chính sách đầu tư hỗ trợ về giống và khoa học kỹ thuật còn kém hiệu quả, năng lực chế biến và dự trữ còn hạn chế, cộng thêm với tài nguyên lúa gạo chưa được khai thác toàn diện và đồng bộ khiến giá trị gia tăng thấp.

Thứ hai, tác động của chuyển giao và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp tới nâng cao hiệu quả sản xuất lúa gạo thời kỳ này chưa thực sự mạnh mẽ và toàn diện, chủ yếu mới thể hiện ở nâng cao năng suất lúa, mặc dù Nhà nước đã đầu tư rất lớn cho công tác này; đối với nâng cao chất lượng lúa và chất lượng gạo qua chế biến cũng còn nhiều hạn chế; các giống lúa tốt còn thiếu, sản xuất còn bị động và hiệu quả thấp.

Thứ ba, công tác thu gom lúa gạo theo hợp đồng còn nhiều bất cập, chưa đảm bảo lợi ích của người sản xuất nên đời sống của người trồng lúa còn gặp nhiều khó khăn, công tác cung ứng và quản lý chất lượng từ đầu vào đến đầu ra của sản xuất lúa gạo còn kém hiệu quả nên chất lượng hạt gạo chưa cao và thiếu đồng nhất, dẫn tới giá bán thấp, hạn chế năng lực cạnh tranh của gạo Việt Nam trên thị trường thế giới.

Thứ tư, hiệu quả sản xuất và xuất khẩu lúa gạo của Việt Nam đạt được còn thấp so với nhiều nước, điển hình là Thái Lan. Điều này là do chi phí vật tư của Việt Nam còn cao, mức độ cơ giới hóa còn thấp nên giá thành sản xuất cao, tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch lớn, cộng thêm với chi phí vận chuyển tốn kém nên lợi nhuận thu được không cao. Theo kết quả điều tra của Viện Lúa quốc tế năm 2014, thu nhập thuần từ sản xuất lúa gạo của Việt Nam là rất thấp, chỉ đạt 419 USD/ha, bằng khoảng 65% so với Thái Lan, 54% so với Philippines, Trung Quốc và Indonesia. Các doanh nghiệp còn thiếu vốn, công

tác dự báo kém, năng lực cạnh tranh yếu.

Thứ năm, thương hiệu gạo Việt Nam chưa được chú ý phát triển đúng mức, gạo phẩm cấp thấp và trung bình vẫn chiếm tỷ trọng lớn, gạo Việt Nam vẫn chưa tìm được chỗ đứng vững chắc ở các phân khúc thị trường cao cấp. Mặt khác, uy tín, năng lực tiếp cận, thâm nhập thị trường, đàm phán ký kết thực hiện hợp đồng, xử lý tranh chấp thương mại quốc tế, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo Việt Nam còn hạn chế; tỷ lệ gạo xuất khẩu trực tiếp với thương hiệu gạo từ Việt Nam còn thấp, nhiều thị trường bị chi phối bởi trung gian, còn phụ thuộc nhiều vào một số thị trường truyền thống và trọng điểm, đặc biệt là thị trường Trung Quốc.

4.3.3. Cơ hội

Thứ nhất, xu thế hội nhập và hợp tác giữa các nước ngày càng được đẩy mạnh trên mọi phương diện, nhiều hiệp định song phương và đa phương được ký kết như WTO, CPTPP, các hiệp định FTA... khiến cho các rào cản về thuế quan dần được dỡ bỏ. Thêm vào đó, nhu cầu nhập khẩu gạo của thế giới vẫn rất lớn; uy tín và vị thế của hạt gạo Việt Nam cũng dần có chỗ đứng tốt hơn trên thị trường thế giới. Đây chính là những cơ hội giúp mở rộng thị trường xuất khẩu gạo cho Việt Nam.

Thứ hai, các sản phẩm gạo chất lượng cao, gạo trắng cao cấp và gạo thơm đã bước đầu được các thị trường khó tính và yêu cầu cao như Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông (Trung Quốc), Mỹ và EU... chấp nhận, giúp sản phẩm gạo Việt Nam từng bước hiện diện trên khắp thế giới.

Thứ ba, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 không chỉ giúp ngành hàng lúa gạo Việt Nam nâng cao năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu, mà còn tạo ra các sản phẩm mới, chế phẩm mới từ lúa gạo đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường trong nước và thế giới.

4.3.4. Thách thức

Thứ nhất, sự phát triển mạnh mẽ của quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa; cùng với đó là sự chênh lệch thu nhập ngày càng lớn giữa lao động nông nghiệp với lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, khiến sản xuất nông nghiệp nói chung và sản xuất lúa gạo nói riêng đang dần bị thu hẹp.

Thứ hai, Việt Nam được xác định là một trong

năm quốc gia bị ảnh hưởng lớn nhất do biến đổi khí hậu gây ra. Lũ lụt, hạn hán và xâm nhập mặn thường xuyên xảy ra với tần suất và cường độ ngày càng tăng, đặc biệt là các vùng phía Nam đã ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất lúa gạo (Nguyễn Văn Bộ, 2016).

Thứ ba, áp lực cạnh tranh cả về số lượng, chủng loại, chất lượng và giá cả gạo xuất khẩu đến từ các nước Thái Lan, Ấn Độ, Pakistan... ngày càng lớn và gay gắt hơn. Mặt khác, chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đòi hỏi cao hơn, các rào cản phi thuế quan cũng được đặt ra nghiêm ngặt hơn. Có thể thấy, thị trường xuất khẩu gạo trong những năm qua vẫn là những biến động nhanh về giá, sự cạnh tranh quyết liệt giữa các thị trường xuất khẩu, cho thấy thế giới đang dần hình thành một thị trường cạnh tranh hơn và biến động hơn, đặt ra những thử thách hết sức quan trọng đối với doanh nghiệp xuất khẩu gạo Việt Nam.

5. Kết luận và giải pháp

Từ kết quả nghiên cứu trên có thể khẳng định, lúa gạo nước ta bước vào thời kỳ đổi mới và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế đã gặt hái được những thành tựu rất to lớn không chỉ trong sản xuất, mà còn nổi bật hơn trong hoạt động xuất khẩu. Việt Nam đã trở thành một trong số ít các quốc gia liên tục dẫn đầu thế giới về xuất khẩu gạo, giúp giải quyết công ăn việc làm cho lao động nông thôn, góp phần thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo và tạo thêm nguồn thu ngoại tệ đáng kể cho đất nước, đóng góp không nhỏ vào việc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và thế giới. Tuy nhiên, những kết quả đã đạt được trong sản xuất và xuất khẩu lúa gạo của Việt Nam chưa thực sự vững chắc, còn nhiều điểm bất ổn. Do đó trong thời gian tới, để hạt gạo Việt Nam tiếp tục phát triển ổn định và bền vững, luôn là thế mạnh của nông dân, thế mạnh của đất nước, giữ vững và không ngừng nâng cao vị thế trên thị trường thế giới, Việt Nam cần phát huy tối đa những tiềm năng và lợi thế của đất nước, tận dụng tốt các thời cơ và cơ hội, ngăn ngừa và hạn chế bớt những nguy cơ, thách thức sẽ gặp phải, đồng thời khắc phục có hiệu quả những tồn tại yếu kém kể trên. Vì thế, các chính sách và giải pháp chủ yếu mà ngành lúa gạo Việt Nam cần quan tâm trong thời gian tới bao gồm:

Thứ nhất, phát triển sản xuất theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị hạt gạo xuất khẩu: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm tốt công

tác quy hoạch, tập trung đầu tư xây dựng và tổ chức sản xuất theo các vùng nguyên liệu phục vụ các thị trường và phân khúc thị trường cụ thể với sự liên kết, liên doanh, đặt hàng của doanh nghiệp, nhất là xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất lúa hàng hóa có chất lượng, giá trị cao tại vùng trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long; gắn liền với công tác quy hoạch, cần cơ cấu lại diện tích sản xuất, mùa vụ, sản lượng lúa gạo hàng hóa theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị xuất khẩu. Nhà nước cũng cần có cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu chọn lọc, lai tạo giống lúa năng suất, chất lượng cao, phù hợp với yêu cầu của thị trường; chú trọng phát triển các giống lúa cho sản phẩm gạo trắng chất lượng cao, gạo thơm, gạo hạt tròn, gạo nếp và một số giống lúa đặc sản vùng miền, loại bỏ việc canh tác các giống lúa kém chất lượng, không hiệu quả. Đồng thời, Chính phủ cần có chính sách khuyến khích, thúc đẩy sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ lúa gạo theo chuỗi giá trị; đa dạng các sản phẩm từ gạo; ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất, chế biến sâu, bảo quản lúa gạo, giảm tổn thất sau thu hoạch; áp dụng quy trình sản xuất đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm định chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế (Đình Văn Thành, 2010).

Thứ hai, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp kinh doanh và xuất khẩu gạo: VFA cùng với các Bộ Ngành có liên quan thực hiện việc hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu gạo áp dụng các mô hình quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong tổ chức sản xuất; nâng cao năng lực công tác thị trường, marketing quốc tế; nâng cao năng lực đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng, xử lý tranh chấp thương mại quốc tế; xây dựng, hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu gạo tham gia các dự án liên kết công tư, tham gia vào chuỗi giá trị gạo toàn cầu với các sản phẩm gạo thương hiệu của Việt Nam có giá trị gia tăng cao, đưa sản phẩm gạo có thương hiệu quốc gia vào hệ thống phân phối của các nước; định hướng, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chiến lược mặt hàng, thị trường xuất khẩu gạo; củng cố mạng lưới đối tác bạn hàng, phát triển đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài; thúc đẩy các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu gạo chú trọng phát triển thị trường nội địa, góp phần đa dạng hóa kênh tiêu thụ, hạn chế rủi ro thị trường và tạo thế đối trọng trong giao dịch đàm phán hợp đồng xuất khẩu; tập

trung đầu tư sản xuất kinh doanh theo hướng chuyên nghiệp, chuyên sâu, nâng cao năng lực cạnh tranh, chú trọng phát triển thị trường thương mại, không phụ thuộc vào các hợp đồng tập trung (Bùi Ngọc Sơn, 2011; Nguyễn Vinh Thanh, 2013).

Thứ ba, xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường xuất khẩu: VFA cần phối hợp với các Bộ Ngành có liên quan và doanh nghiệp tập trung triển khai thực hiện các giải pháp về xây dựng thương hiệu gạo Việt Nam; hỗ trợ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ thương hiệu quốc gia gạo Việt Nam dưới hình thức nhãn hiệu chứng nhận ở trong nước và nước ngoài. Các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu gạo dựa vào hướng dẫn của Chính phủ để có các định hướng và giải pháp phát triển từng thị trường cụ thể theo hướng gắn hoạt động phát triển thị trường với sản xuất, chế biến, quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu; xây dựng hệ thống thông tin thị trường, ứng phó hiệu quả với biến động của thị trường, chủ động có đối sách phù hợp với các chính sách bảo hộ mậu dịch; tận dụng tốt các cơ hội hợp tác quốc tế để mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả xuất khẩu. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng cần phối hợp với Bộ Công thương và VFA xây dựng, bố trí nguồn kinh phí phù hợp và tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại gạo theo cơ chế đặc thù, nhất là tại các thị trường trọng điểm, truyền thống và thị trường mới, thị trường tiềm năng; phát triển hệ thống phân phối trực tiếp sản phẩm gạo Việt Nam tại thị trường nước ngoài; xây dựng các phương thức xuất khẩu phù hợp với đặc thù của các thị trường.

Thứ tư, đổi mới cơ chế, chính sách và xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho hoạt động sản xuất và xuất khẩu lúa gạo: Chính phủ cần tiếp tục giao cho các Bộ Ngành có liên quan rà soát, hoàn thiện cơ chế điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo phù hợp với diễn biến mới của thị trường; có chính sách khuyến khích doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu, kết nối chuỗi sản xuất, chế biến, phân phối sản phẩm; xây dựng bộ tiêu chuẩn quốc gia cho các sản phẩm gạo xuất khẩu và quy trình sản xuất, chế biến chuẩn nhằm tạo ra các sản phẩm đạt tiêu chuẩn thương hiệu quốc gia gạo Việt Nam; hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định của WTO, giúp nông dân và doanh nghiệp tăng cường đầu tư, phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập. Bên cạnh đó, VFA cũng cần không ngừng đổi mới,

hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới theo hướng tôn trọng cơ chế thị trường, phát huy vai trò tập hợp, hỗ trợ thương nhân và hợp tác, liên kết vững chắc, hiệu quả của các tác nhân trong chuỗi giá trị. Ngoài ra, Nhà nước cũng cần chú ý đầu tư

nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng ngày càng hiện đại, hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu thanh toán ngân hàng và hoán đổi ngoại tệ, đa dạng hóa đồng tiền thanh toán và phòng ngừa rủi ro về tỷ giá, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giao thương quốc tế (Thủ tướng Chính phủ, 2017).

Tài liệu tham khảo:

- Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), 'Đồng bằng sông Cửu Long cung cấp 90% lượng gạo xuất khẩu', truy cập lần cuối ngày 02 tháng 03 năm 2019, từ <<http://dangcongsan.vn/kinh-te/dong-bang-song-cuu-long-cung-cap-90-luong-gao-xuat-khau-444408.html>>.
- Bộ Công thương (2018), *Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam 2017*, Nhà xuất bản Công thương, Hà Nội.
- Bùi Ngọc Sơn (2011), *Nâng cao năng lực xuất khẩu nhóm hàng nông lâm thủy sản của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản (Sách chuyên khảo)*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- Công Phiên (2011), 'Thêm lợi thế cho hạt gạo Việt Nam', *Sài Gòn Giải phóng Online*, truy cập ngày 10 tháng 03 năm 2019, từ <<http://www.sggp.org.vn/them-loi-the-cho-hat-gao-viet-nam-289933.html>>.
- Đinh Văn Đăn và Nguyễn Việt Đăng (2009), *Giáo trình Kinh tế thương mại dịch vụ*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Đinh Văn Thành (2010), *Tăng cường năng lực tham gia của hàng nông sản vào chuỗi giá trị toàn cầu trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Công thương, Hà Nội.
- Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững [VNSAT] (2018), *Nhận định chung về xuất khẩu lúa gạo của Việt Nam đến năm 2018*, Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, Hà Nội.
- Luật Thương mại* (2017), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Nguyễn Đức Độ (2008), 'Kinh tế thế giới năm 2008 và tác động đối với Việt Nam', *Tap chí Cộng sản*, truy cập lần cuối ngày 10 tháng 03 năm 2019, từ <<http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2008/3623/Kinh-te-the-gioi-nam-2008-va-tac-dong-doi-voi-Viet.aspx>>.
- Nguyễn Thị Đường (2012), 'Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam vào thị trường Trung Quốc', luận án tiến sĩ, Viện Nghiên cứu thương mại, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Bộ (2016), 'Phát triển lúa gạo trong bối cảnh biến đổi khí hậu và hội nhập Việt Nam', *Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia về Khoa học cây trồng lần thứ 2*, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội, 39-49.
- Nguyễn Vinh Thanh (2013), *Nông nghiệp Việt Nam sau khi hội nhập - Thời cơ và thách thức (Sách chuyên khảo)*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội.
- Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định về việc phê duyệt chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.
- The Information Center of the Institute of Policy and Strategy for Agriculture and Rural Development [IPSARD] (2008), *Vietnam's rice yearbook for 2007 and perspectives on 2008*, Hanoi.